

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 29-09-2021

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Nguyễn Tiến Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HĐVTS ngày 19 tháng 04 năm 2021 về: Tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 08 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1950

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Giữa ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Đ không có quan hệ gì, chỉ bà chơi với bà Nguyễn Thị Đ từ năm 2006, vì cùng là giáo viên. Do mối quan hệ này, năm 2015 bà Nguyễn Thị Đ có rủ ông Dương Văn H tham gia các chương trình bán hàng đa cấp của Công ty cổ phần liên kết Việt tại Bắc Giang. Sau một thời gian tham gia, qua tìm hiểu, ông H quyết định không tham gia nữa. Ngày 04/02/2015, ông Dương Văn H có lập “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty cổ phần liên kết sản xuất thương mại Việt Nam” với nội dung “Ông Dương Văn H đồng ý chuyển nhượng quyền sở hữu hợp đồng mua sản phẩm của ông tại công ty CPLKSX-TM-VN mang mã số 0024195, ký ngày 30/1/2015 cho bà Nguyễn Thị Đ gồm 10 mã từ H bg 150 đến H bg 1050-Trị giá 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng). Kể từ ngày 04/2/2015 bà Đ có toàn quyền hưởng các

loại hoa hồng do công ty Liên kết Việt chi trả bao gồm cả quyền bốc thăm trúng thưởng”.

Ngoài ra, ông H còn cho bà Nguyễn Thị Đ vay riêng số tiền 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng), lãi suất là 1%/tháng, hạn trả lãi vào ngày 28 âm lịch hàng tháng. Thời hạn bà Đ phải trả 86.000.000đ tiền gốc và lãi là 12/10/2015. Mục bà Đ vay để tham gia công ty đa cấp liên kết Việt. Từ khi vay đến nay bà Đ vẫn chưa trả được đồng tiền gốc nào, tiền lãi bà Đ mới trả được hết tháng 7/2015 (06 tháng). Số tiền 86.000.000đ do một mình Đ vay không liên quan đến ai. Đến hạn trả nợ vợ chồng bà (H + B) đi lại đòi nhiều lần nhưng bà Đ không trả, nay ông bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả vợ chồng ông bà số tiền gốc đã vay là 86.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông Dương Văn H chuyển nhượng quyền sở hữu hợp đồng mua sản phẩm của ông tại công ty CPLKSX-TM-VN mang mã số 0024195, ký ngày 30/1/2015 cho bà Nguyễn Thị Đ gồm 10 mã từ H bg 150 đến H bg 1050-Trị giá 86.000.000đ, ông H không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông Dương Văn H có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau. Giữa bà và ông Dương Văn H không có quan hệ mua bán hàng hóa, sản phẩm cũng như không có quan hệ vay mượn gì với nhau. Chữ ký ngày 04/02/2015 tại văn phòng Công ty cổ phần liên kết SX-TM Việt Nam tại Bắc Giang về việc vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu hợp đồng mua sản phẩm ở phần người nhận chuyển nhượng và vay tiền đúng là chữ ký của bà (Nguyễn Thị Đ). Còn nội dung và chữ viết là do bà Bùi Thị Miền giám đốc công ty liên kết SX-TM Việt Nam viết. Bà chưa nhận được bất cứ một đồng tiền nào từ ông H. Vì vậy, nay ông Dương Văn H yêu cầu bà trả tiền 86.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng từ tháng 7/2015 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, bà không đồng ý. Do sức khỏe yếu, công việc bận, bà không thể đến tham gia tố tụng tại Tòa án được, bà không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị B nhất trí ý kiến của ông Dương Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H, buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị B số tiền gốc đã vay là 86.000.000đ

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2]. Về thời hiệu và quan hệ pháp luật: Giao dân sự giữa ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Đ được xác lập năm 2015, trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án. Điều 427 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm”*. Căn cứ vào quy định này thì thời hiệu khởi kiện đối với *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự” thì “Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông quan giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”*. Như vậy, quan hệ pháp luật của vụ án là *“Kiện đòi tài sản”*.

[2]. Do có mối quan hệ quen biết, ngày 04/02/2015 ông Dương Văn H cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền là 86.000.000đ. Khi vay các bên có lập văn bản, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là ngày 12/10/2015, mục đích bà Đ vay là để tham gia công ty đa cấp liên kết việt. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị B đi lại đòi nhiều lần nhưng bà B không trả. Nay ông H yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả vợ chồng ông bà 86.000.000đ tiền gốc.

[3]. Xét việc vay tiền giữa ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *“Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự”*; Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 nên cần được chấp nhận.

[4]. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận chữ ký ngày 04/02/2015 tại văn phòng Công ty cổ phần liên kết SX-TM Việt Nam tại Bắc Giang về việc vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu hợp đồng mua sản phẩm đúng là chữ ký của bà, nhưng bà xác định giữa bà và ông Dương Văn H không có việc chuyển nhượng quyền tài sản hay vay tiền. Tòa án đã tiến hành đối chất; mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại các buổi làm việc trên bà Nguyễn Thị Đ đều vắng mặt, bà Đ cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Dương Văn H là người cao tuổi, trước khi thụ lý vụ án đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị B số tiền là 86.000.000đ (tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Huân